TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2019/DS-PT
Ngày: 09-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Hồ Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019, về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2019/QĐPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 148/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2019, Quyết định ngừng phiên tòa số: 10/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2019, Thông báo mở lại phiên tòa số: 10/2019/TB-TA ngày 09 tháng 09 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Văn C, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Số 205/2B khu phố 2, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Lý Minh D, sinh năm 1971.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 205/2B, khu phố 2, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Thuận Hòa 1, xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Ngô Thị Bạch M, sinh năm

1973 (có mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 205/2B, khu phố 2, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Thuận Hòa 1, xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Minh Tuấn - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn A.B.C, thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Ngô Thị Bạch M, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 205/2B, khu phố 2, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Thuận Hòa 1, xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lý Minh D.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày ngày 17/01/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm nguyên ông Lý Văn C do ông Hà Đình Đ đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Từ năm 2012 đến nay ông C cho ông Lý Minh D vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Tháng 3/2018 ông D có ký xác nhận nợ ông C số tiền 680.000.000đồng.

Ngày 01/4/2018 ông D có ký xác nhận nợ ông C số tiền 1.725.000.000đồng.

Đến ngày 30/4/2018 ông D nợ ông C số tiền 2.545.000.000đồng.

Vì là anh em trong nhà nên ông C chỉ để cho ông D ký tên trong giấy nợ. Từ ngày 30/4/2018 đến nay ông C nhiều lần yêu cầu ông D, bà M trả cho ông số tiền nợ này nhưng ông D, bà M không trả. Ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lý Minh D và bà Ngô Thị Bạch M phải liên đới trách nhiệm trả cho ông số tiền còn nợ là 2.545.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông C xác định ông D có nợ tiền ông C theo 2 giấy nhận nợ tháng 3/2018 số tiền 680.000.000đồng và giấy nhận nợ ngày 01/4/2018 số tiền là 1.725.000.000đồng. Tổng số tiền ông C yêu cầu ông D phải trả là 2.405.000.000đồng. Đồng thời xác định xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông C không yêu cầu bà M liên đới trách nhiệm trả nợ. Ông C chỉ yêu cầu cá nhân ông D phải trả cho ông C số tiền còn nợ là 2.405.000.000đồng. Nguyên đơn đồng ý cấn trừ số tiền 220.921.000đồng mà bà

Ngô Thị Bạch M vợ ông D chuyển khoản cho ông C vào số tiền gốc. Số tiền còn lại ông C yêu cầu ông D phải trả là 2.184.079.000đồng.

Tại tờ trình ngày 30/5/2019 bà Nguyễn Thanh Th vợ ông C xác nhận, toàn bộ số tiền ông C cho ông D mượn là tiền của ông C, bà có đưa cho ông D số tiền 29.000.000đồng cũng là tiền của ông C, bà không có yêu cầu gì đối với tranh chấp giữa ông C và ông D, đồng thời đề nghị không tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nên đề nghị không đưa bà Nguyễn Thanh Th vào tham gia tố tụng.

Bị đơn ông Lý Minh D, trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm bà Dương Thị Kim Th đại diện theo ủy quyền của ông D trình bày: Ông xác định có vay tiền của ông C nhiều lần, nhưng ông không nhớ tổng cộng đã vay ông C là bao nhiêu tiền, theo thỏa thuận vay thì hàng tháng ông có trả tiền lãi 5%/tháng cho ông C đầy đủ, đến năm 2017 thì ông không còn khả năng trả nữa. Nên năm 2018 ông D có ký vào các giấy tính tiền nợ do ông C tính cụ thể như sau: Tháng 01/2018, ông D có ký xác nhận nợ ông C số tiền là 600.465.000đồng; tháng 02/2018, ông D có ký xác nhận nợ ông C số tiền là 625.150.000đồng; tháng 3/2018, ông D có ký xác nhận nợ ông C số tiền là 680.000.000đồng; ngày 01/4/2018, ông D có ký xác nhận nợ ông C số tiền là 1.725.000.000đồng.

Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018, bà M là vợ ông D có thay ông D trả tiền lãi hàng tháng cho ông C số tiền là 35.000.000đ/tháng, tổng cộng là 420.000.000đồng.

Nay ông C yêu cầu ông D trả cho ông số tiền số 2.545.000.000đồng. Ông D đề nghị đối chiếu nợ và chỉ đồng ý trả cho ông C số tiền nợ gốc và nợ lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, đồng thời yêu cầu được khấu trừ tiền lãi phải trả đối với số tiền lãi đã trả là 420.000.000đồng nếu còn thừa thì xin được cấn trừ vào tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa bà Dương Thị Kim Thanh đại diện theo ủy quyền của ông D trình bày: Ông D không xác định được số nợ gốc còn nợ ông C là bao nhiêu, yêu cầu ông C đưa sổ ghi nợ ra để đối chiếu và yêu cầu tạm ngưng phiên Tòa để thu thập chứng cứ và cho đối chất giữa ông C và ông D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Bạch M trình bày: Bà không biết việc vay mượn tiền giữa ông C và ông D, bà không chứng kiến cũng không ký vào giấy nợ nào. Nay ông C khởi kiện yêu cầu bà liên đới trách nhiệm với ông D để trả nợ cho ông C bà không đồng ý. Đối với khoản tiền lãi bà chuyển cho ông C trong năm 2017, bà M đề nghị được tính như ông D trả cho ông C, bà M không tranh chấp số tiền này.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 78/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ

luật dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn C đối với bà Ngô Thị Bạch M, yêu cầu bà M có nghĩa vụ liên đới với ông Lý Minh D trả cho ông Lý Văn C số tiền ông D vay của ông C.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Lý Văn C đối với ông Lý Minh D.

[3] Buộc ông Lý Minh D phải trả cho ông Lý Văn C số tiền 2.184.079.000đồng (hai tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn C đối với Lý Minh D tranh chấp hợp đồng vay với số tiền là 360.921.000đồng.

[3] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.

[4] Về án phí: Buộc ông Lý Minh D phải nộp 75.682.000đồng (bảy mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí sung công quỹ Nhà nước.

Ông Lý Văn C phải chịu 18.046.000đồng án phí. Được trừ vào số tiền 41.450.000đồng tạm ứng án phí Ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004080 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, ông Lý Văn C được nhận lại 23.404.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

- Ngày 13/6/2019, bị đơn ông Lý Minh D kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị ông Lý Văn C cung cấp sổ nợ để các bên đối chiếu tiền nợ gốc và lãi trên thực tế, cho ông D và ông C được đối chất để xác định nợ.

- Ngày 25/6/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị số 79/QĐKNPT-VKS-DS, theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Lý Minh D do bà Ngô Thị Bạch M đại diện theo ủy quyền trình bày nội dung kháng cáo cho rằng: Từ năm 2012 đến năm 2018, ông D có vay tiền của ông C nhiều lần, đã trả và vay tiếp. Năm 2018, ông C viết giấy nợ cho ông D ký tên, do ông D bị làm áp lực nên ông D đã ký tên vào giấy nợ. Nhưng thực tế ông D chỉ nợ ông C 855.000.000đồng. Cùng năm 2018, bà M đã

trả cho ông C số tiền 420.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản và giao tiền mặt nhưng khi giao tiền không yêu cầu ông C ký nhận. Tổng số tiền chuyển khoản theo phiếu là 205.000.000đồng nên đề nghị được cấn trừ vào tiền nợ cho ông D.

Về tiền lãi: Từ năm 2014 đến năm 2016, ông D đã trả lãi cho ông C theo mức lãi suất từ 4% đến 5%/tháng. Nay ông D không yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã đóng và đề nghị không tiếp tục tính lãi. Đối với việc ông C yêu cầu cá nhân ông D trả nợ bà cũng đồng ý, không có ý kiến gì.

Nguyên đơn ông Lý Văn C trình bày: Do giữa ông C và ông D là anh em ruột, nên ông C cho ông D mượn tiền nhiều lần, mỗi lần vay hai bên kết nợ thống nhất số tiền nợ thì ông D ký tên vào sổ của ông C. Hai giấy nhận nợ vào thời điểm tháng 3/2018 nợ số tiền là 680.000.000đồng và giấy nhận nợ ngày 01/4/2018 nợ số tiền là 1.725.000.000đồng là hai khoản nợ vay khác nhau nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, giữ y bản án sơ thẩm về số tiền nợ, còn tiền án phí đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Luật sư Lê Minh Tuấn bảo vệ quyền lợi cho bị đơn phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục thời gian tống đạt. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Thanh đại diện cho ông D đề nghị được tiếp cận, thu thập chứng cứ là các giấy nợ nhưng cũng không được xem xét.

Về nội dung: Năm 2012 ông D có mượn tiền của ông C nhiều lần và đã trả hết nợ. Đến năm 2014 ông D tiếp tục mượn nhiều lần với tổng số tiền 1.000.000.000đồng, lãi suất từ 4% đến 5%/tháng. Đến ngày 30/5/2016, ông D trả bớt cho ông C, còn nợ là 537.500.000đồng. Sau đó mượn tiếp tổng nợ đến năm 2016 là 1.067.500.000đồng. Trong năm 2016 ông D trả lãi đầy đủ cho ông C mức lãi suất 5%/tháng trên số tiền mượn theo thời điểm. Tháng 11/2016, ông D trả bớt cho ông C, còn nợ lại 855.000.000đồng. Từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2017, ông D không trả lãi cho ông C nữa. Tháng 01/2018 ông C chốt nợ gốc ông D còn nợ là 855.000.000đồng và lãi từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2017 là 579.000.000đồng. Từ năm 2018, ông C giảm lãi xuống cho ông D còn 3%/tháng, nhưng ông D cũng chưa trả lãi. Trong năm 2018, bà M đã trả cho ông C 420.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản và giao tiền mặt nên đề nghị cấn trừ số tiền này vào tiền gốc cho ông D. Đối với tiền lãi ông D đã đóng theo mức lãi suất từ 4% đến 5%/tháng, khi đóng lãi không có lập biên nhận nên không yêu cầu xem xét lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn có ký nhận nợ vào 02 giấy nhận nợ vào thời điểm tháng 3/2018 nợ số tiền là 680.000.000đồng và giấy nhận nợ ngày 01/4/2018 nợ số tiền là 1.725.000.000đồng. Bị đơn cho rằng chỉ nợ 855.000.000đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Như vậy, theo hai giấy nợ do ông D ký nhận tổng số tiền ông D còn nợ ông C là 2.405.000.000đồng. Theo chứng từ thể hiện bà Ngô Thị Bạch M vợ ông D chuyển khoản cho ông C là 205.000.000đông nhưng nguyên đơn đồng ý cấn trừ số tiền 220.921.000đồng vào tiền gốc là có lợi cho ông D. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông D.

Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Theo đơn khởi kiện ông Lý Văn C yêu cầu ông Lý Minh D trả số tiền 2.545.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông D còn nợ 2.405.000.000đồng và đồng ý cấn trừ số tiền đã nhận là 220.921.000đồng. Như vậy, ông C đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện so với phạm vi khởi kiện ban đầu. Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm xác định: Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông C không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án lại tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông C đối với số tiền 360.921.000đồng là mâu thuẫn giữa phần nhận định và phần quyết định của bản án. Trong trường hợp này, ông C đã thay đổi yêu cầu khởi kiện phù hợp khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận và ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông D, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lý Minh D, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 279 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Xét thấy tại phiên tòa bị đơn ông Lý Minh D vắng mặt có bà Ngô Thị Bạch M đại diện theo ủy quyền có mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[1.3] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm ông Lý Văn C có nhờ luật sư Nguyễn Hữu Xê bảo vệ quyền lợi cho mình. Tại phiên tòa, ông C xác định ông từ chối luật sư Nguyễn Hữu Xê bảo vệ quyền lợi cho ông C, ông tự trình bày, bảo vệ quyền lợi của mình, yêu cầu của ông C là phù hợp theo Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.4] Xét, ngày 20/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý, Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng để tiến hành kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Bạch M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tại tờ trình ngày 30/5/2019 bà Nguyễn Thanh Th (vợ ông C) xác nhận, toàn bộ số tiền ông C cho ông D mượn là tiền của ông C, bà không có yêu cầu gì trong vụ án, đồng thời đề nghị không đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa bà Nguyễn Thanh Th vào tham gia tố tụng là phù hợp. Riêng bị đơn ông Lý Minh D đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, nhận được văn bản tố tụng ông D đã có ý kiến trình bày gửi Tòa án. Mặc dù thủ tục tống đạt của Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thời gian quy định tại Điều 175, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông D có bà Dương Thị Kim Thanh đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông C. Sau khi xét xử sơ thẩm ông D kháng cáo bản án sơ thẩm nên quyền lợi của ông D vẫn được đảm bảo được xem xét lại tại giai đoạn phúc thẩm mà không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lý Minh D, thấy rằng:

[2.1] Các đương sự trình bày thống nhất: Ông Lý Văn C có cho ông Lý Minh D vay tiền nhiều lần, ông D ký vào giấy nợ do ông C giữ. Ông D và người đại diện xác nhận các giấy nhận nợ do ông C cung cấp chính là chữ ký của ông D.

[2.2] Các đương sự không thống nhất về số tiền vay, lãi suất và số tiền đã thanh toán. Theo ông D do bà M đại diện trình bày, ông D vay tiền của ông C từ năm 2012, lãi suất 5%/tháng, vay tiền nhiều lần nhưng không nhớ là bao nhiêu, giấy nợ do ông C giữ nên ông D không xác định được tiền gốc đã vay và tiền lãi đã trả. Trong khi đó, ông C xác định ông D nợ ông C theo giấy nợ đề tháng 3/2018 vay số tiền 680.000.000đồng và giấy nợ ngày 01/4/2018 vay số tiền là 1.725.000.000đồng và có xuất trình các giấy nhận nợ do ông D ký.

[2.2] Xét giấy nợ đề tháng 3/2018 với số tiền là 680.000.000đồng, giấy nợ ngày 01/4/2018 với số tiền là 1.725.000.000đồng và sổ theo dõi nợ do ông C cung cấp, thấy rằng:

Nội dung hai giấy nợ thể hiện vào tháng 3/2018 ông D có vay số tiền 680.000.000đồng và ngày 01/4/2018 vay tiếp số tiền là 1.725.000.000đồng. Ông D thừa nhận có vay tiền của ông C nhiều lần, có ký vào hai giấy nhận nợ vào tháng 3/2018 nợ số tiền là 680.000.000đồng và ngày 01/4/2018 số tiền là 1.725.000.000đồng, ông đề nghị được đối chiếu nợ (BL 76). Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập ông D đến Tòa án để tiến hành đối chất nợ nhưng ông D không đến nên Tòa án không tiến hành đối chất được. Tại đơn kháng cáo đề ngày 13/6/2019 ông D kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị ông C cung cấp sổ nợ để các bên đối chiếu tiền nợ gốc và lãi trên thực tế, cho ông và ông C được đối chất để xác định nợ. Tòa án cấp phúc thẩm đã nhiều lần ngừng phiên tòa, triệu tập các đương sự để tiến

hành đối chất làm rõ khoản nợ vay của các bên theo yêu cầu kháng cáo của ông D. Ông C có mặt và cung cấp bản chính giấy nợ cho Tòa án đối chiếu nhưng tất cả các phiên tòa và phiên đối chất ông D đều vắng mặt không lý do. Tòa án đã tạo điều kiện cho ông D đến chứng minh, tranh tụng bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình đối với khoản nợ vay nhưng ông D không đến. Như vậy chính ông D đã tự tước bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình thì ông phải gánh chịu những bất lợi trong tranh tụng. Bà M và luật sư cho rằng ông D chỉ nợ ông C 855.000.000đồng nhưng không được ông C thừa nhận, bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông C đối với số tiền là 680.000.000đồng theo giấy nợ tháng 3/2018 và 1.725.000.000đồng theo giấy nợ ngày 01/4/2018 là có căn cứ.

[2.3] Về tiền lãi: Ông D, bà M và luật sư cho rằng trả lãi cho ông C đầy đủ với lãi suất 5%/ tháng, đến năm 2018 ông D không còn khả năng trả lãi thì ông C ghi trong giấy nợ là lãi 3%/tháng. Theo ông C, nguồn tiền để cho Dũng mượn là ông vay của Ngân hàng, ông D trả tiền lãi cho ông theo mức lãi suất Ngân hàng để ông trả lãi cho Ngân hàng. Bà M cho rằng bà đã trả thay cho ông D số tiền 420.000.000đồng, trong đó có 205.000.000đồng chuyển khoản vào tài khoản của ông C, số tiền còn lại bà giao trực tiếp cho ông C nhưng không được ông C thừa nhận đã nhận tiền của bà M. Theo các chứng từ chuyển khoản do bà M cung cấp thể hiện từ ngày 29/12/2017 đến ngày 06/11/2018, bà M đã chuyển vào tài khoản của ông C 13 lần với tổng số tiền là 205.000.000đồng (BL 62-75). Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông C thừa nhận bà M là vợ ông D đã trả cho ông C số tiền 220.921.000đồng, đồng ý cấn trừ số tiền này vào tiền gốc, ông C không kháng cáo là có lợi cho ông D. Ông D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với yêu cầu kháng cáo của ông D.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, thấy rằng: Theo đơn khởi kiện ông Lý Văn C yêu cầu ông Lý Minh D trả số tiền 2.545.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông D còn nợ 2.405.000.000đồng và đồng ý cấn trừ số tiền đã trả 220.921.000đồng vào nợ gốc. Như vậy, ông C đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện so với phạm vi khởi kiện ban đầu với số tiền giảm là 360.921.000đồng. Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm xác định việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông C không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án lại tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông C đối với số tiền 360.921.000đồng và buộc ông C phải chịu án phí là không chính xác, mâu thuẫn giữa phần nhận định và phần quyết định của bản án. Trong trường hợp này, ông C đã thay đổi yêu cầu khởi kiện là phù hợp khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận và ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí trên số tiền thanh toán cho ông C. Ông C không phải chịu án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông D phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp.

[6] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Minh D.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 78/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26, Điều 28 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn C đối với bà Ngô Thị Bạch M, về việc yêu cầu bà M có nghĩa vụ liên đới với ông Lý Minh D trả cho ông Lý Văn C số tiền ông D vay của ông C.

2. Buộc ông Lý Minh D phải trả cho ông Lý Văn C số tiền 2.184.079.000đồng (hai tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc ông Lý Minh D phải chịu 75.682.000đồng (bảy mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng).

4.2. Ông Lý Văn C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Lý Văn C số tiền 41.450.000đồng (bốn mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004080 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Lý Minh D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, khấu trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004909 ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Vân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thị Hồng Vân